

DI SẢN THẾ GIỚI VÀ QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM

KHẢO SÁT VỀ MẶT PHÁP LÝ

Nguyễn Linh Giang

Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

Tiếp cận dựa trên quyền trong hệ thống các di sản thế giới là một chủ đề hoàn toàn mới ở Việt Nam. Pháp luật liên quan đến Di sản thế giới bao gồm các văn bản khác nhau về di sản văn hóa và thiên nhiên, bắt đầu được hình thành kể từ khi thành lập nước vào năm 1945. Kể từ những năm 80 của thế kỷ XX, nhận thức về các vấn đề nhân quyền đã dần được nâng cao nhưng cơ chế bảo vệ quyền con người ở Việt Nam vẫn chưa hoàn thiện. Các văn bản pháp luật liên quan đến di sản vẫn chưa đầy đủ nếu đứng từ góc nhìn tiếp cận dựa trên quyền. Cho đến nay, chưa có mối liên hệ rõ ràng giữa nhân quyền và di sản trong các văn bản pháp luật của Việt Nam.

Thông điệp chính sách

Pháp luật Việt Nam hiện hành về di sản văn hóa và thiên nhiên vẫn còn nhiều bất cập, thể hiện thông qua việc phân tích các văn bản pháp luật về Quản lý Di sản thế giới và các văn bản liên quan về quyền con người. Pháp luật Việt Nam cũng như là các quy định về quản lý di sản thế giới cần được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với các quy định về phát triển bền vững vừa được UNESCO thông qua gần đây. Cũng cần phải có các quy định về sự tham gia của cộng đồng và người dân trong các văn bản luật. Đặc biệt, cần phải xây dựng các quy định riêng biệt liên quan đến người thiểu số sinh sống trong và gần các khu di sản thế giới. Cần phải phát triển các chính sách về chia sẻ lợi ích, sự tham gia và đồng quản lý của người dân, đặc biệt là đối với các khu rừng đặc dụng.

Kể từ khi trở thành thành viên của Công ước Di sản thế giới, khung pháp luật về bảo vệ di sản của Việt Nam đã dần hoàn thiện. Văn bản quan trọng nhất trong lĩnh vực này là Luật Di sản văn hóa năm 2001, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 cùng các văn bản hướng dẫn thi hành của luật này. Trong lĩnh vực di sản thiên nhiên, các văn bản pháp luật có liên quan là Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đa dạng sinh học, Luật Bảo vệ và phát triển rừng, Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành của các luật này.

Việc phân tích các văn bản pháp luật của Việt Nam sẽ cho chúng ta một cái nhìn toàn diện về mối liên hệ giữa nhân quyền và di sản. Các văn bản này bao gồm Hiến pháp, luật và cả các

văn bản dưới luật liên quan đến lĩnh vực quản lý di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới. Việc phân tích này thực hiện qua góc nhìn tiếp cận dựa trên quyền, tập trung vào bốn nhóm quyền: Xét xử công bằng, quyền được tham gia, tham vấn; quyền đối với tài nguyên, sở hữu đất đai; quyền phát triển và sinh kế và quyền của người thiểu số.

1. Xét xử công bằng, quyền tham gia và tham vấn

Nhóm quyền này được thể hiện qua các quy định liên quan đến quyền khiếu nại, tố cáo, khởi kiện cũng như quy định liên quan đến quyền tiếp cận thông tin; quyền tham gia vào quá trình ra quyết định trong các văn bản pháp luật có liên quan.

1.1. Di sản văn hóa

- **Luật Di sản văn hóa:** Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo và khởi kiện đối với các hành vi vi phạm pháp luật về di sản văn hóa. Luật này vẫn còn thiếu các quy định liên quan đến quyền của các cá nhân và cộng đồng được tham gia vào quá trình thảo luận và ra quyết định liên quan đến các di sản mà họ sở hữu hoặc gìn giữ.

- **Luật Xây dựng:** Quy hoạch xây dựng nói chung và trong khu di sản nói riêng chưa quan tâm nhiều đến lợi ích của cộng đồng có liên quan. Người dân có quyền được đưa ra các bình luận đối với các quy hoạch xây dựng hoặc các điều chỉnh quy hoạch.

1.2. Di sản thiên nhiên

- **Luật Bảo vệ môi trường và các Nghị định:** Việc công bố thông tin định kỳ về môi trường được quy định trong luật và phải thực hiện ít nhất một lần mỗi năm.

Luật ghi nhận quyền của đại diện cộng đồng dân cư trên địa bàn chịu tác động môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có quyền yêu cầu chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ cung cấp thông tin về bảo vệ môi trường. Hơn nữa, luật cũng ghi nhận quyền của đại diện cộng đồng dân cư được yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có liên quan cung cấp kết quả thanh tra, kiểm tra, xử lý đối với cơ sở sản xuất kinh doanh. Đại diện cộng đồng dân cư cũng có quyền tham gia đánh giá kết quả bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; thực hiện các biện pháp để bảo vệ quyền và lợi ích của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật. Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, khởi kiện về hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường. Cá nhân có quyền tố cáo vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường với cơ quan, người có thẩm quyền. Vai trò tham vấn và giám sát của cộng đồng được ghi nhận trong Luật này.

Như vậy, Luật ghi nhận quyền tiếp cận thông tin về môi trường cũng như nghĩa vụ cung cấp thông tin của cơ quan Nhà nước. Nhưng trên thực tế, người dân chưa có cơ chế để tiếp cận

với các thông tin về môi trường vì Luật Tiếp cận thông tin mới được thông qua và chỉ có hiệu lực bắt đầu từ ngày 1/7/2018.

- **Luật Bảo vệ và phát triển rừng:** Tranh chấp được giải quyết ở tòa án. Luật hiện hành không có quy định về sự tham gia của cộng đồng hay sự đồng thuận của họ đối với quá trình xây dựng các dự án.

+ **Nghị định 23/2006/NĐ-CP** thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng và **Nghị định 117/2010/NĐ-CP** về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng đều không có quy định về sự tham gia của người dân vào quá trình quy hoạch và sửa đổi các quy hoạch về rừng.

+ **Quyết định 126/QĐ-TTg** về thí điểm chia sẻ lợi ích trong quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững rừng đặc dụng ở một số tỉnh đã đưa ra các nguyên tắc về chia sẻ lợi ích dựa trên sự tự nguyện và đồng thuận giữa Ban quản lý rừng đặc dụng và cộng đồng dân cư. Việc giải quyết các tranh chấp giữa cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân với Ban quản lý có thể được giải quyết thông qua Hội đồng quản lý (gồm đại diện của Ban quản lý rừng, cộng đồng, UBND...) bằng các biện pháp hòa giải. Quyết định này đã ghi nhận được một số quyền của người dân (cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân) như là quyền cử người đại diện trong Ban quản lý, quyền được tham gia thảo luận và quyết định các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi ích, quyền tham gia vào việc theo dõi thực hiện các cơ chế nói trên.

Thí điểm này được thực hiện đến tháng 12/2015. Sau khi tổng kết và đánh giá dự án, mô hình này sẽ được quyết định xem có tiếp tục áp dụng trong cả nước hay không. Đây là một dấu hiệu tốt, hứa hẹn mang đến những lợi ích cho người dân trong khu vực có rừng đặc dụng nói chung và người dân trong các khu di sản thiên nhiên nói riêng.

- **Luật Đất đai:** Người sử dụng đất có quyền khiếu nại, tố cáo, khởi kiện về những hành vi vi phạm quyền sử dụng đất hợp pháp của mình và những hành vi khác vi phạm pháp luật về đất đai. Nhìn chung, các quy định của pháp luật hiện hành công nhận quyền khiếu nại, tố cáo và khởi kiện của người dân nhưng những quy định này không đảm bảo quyền được xét xử công bằng.

- Người dân có quyền theo dõi và báo cáo về các hành vi vi phạm pháp luật đất đai thông qua các tổ chức đại diện hoặc do chính họ tự thực hiện. Họ cũng có quyền tiếp cận thông tin về đất đai của Nhà nước, nhưng quyền này còn nhiều hạn chế bởi vẫn phải chờ Luật Tiếp cận thông tin có hiệu lực.

- **Luật đa dạng sinh học:** Quyền được thảo luận và tham gia vào quá trình ra quyết định đối với các chính sách và việc thực hiện chính sách trong các khu bảo tồn được ghi nhận trong Nghị định 65/2010/NĐ-CP về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học.

Trường hợp thực tế

Phủ Dầy ở Nam Định là nơi thờ bà Chúa Liễu Hạnh, là một di tích lịch sử, văn hóa nổi tiếng ở miền Bắc Việt Nam. Đầu năm 2015, Ủy ban nhân dân huyện Vụ Bản nơi quản lý di tích đã ban hành một quy chế quản lý mới đối với di tích này. Theo đó việc chọn người thủ nhang (người trông coi, thực hiện hương khói trong Phủ) của Phủ sẽ có nhiệm kỳ 5 năm. Trong khi đó, theo truyền thống từ trước tới nay người thủ nhang là do nhân dân địa phương bầu chọn trong số những người có tâm đức, công lao bảo tồn, tôn tạo di tích. Người thủ nhang sẽ ở lại trông coi di tích và có thể làm công việc này trọn đời mà không cần thay đổi nếu vẫn được nhân dân tín nhiệm. Phản đối quy chế này của huyện Vụ Bản, người dân trong khu vực này đã làm đơn kiến nghị với hơn 1500 chữ ký của nhân dân và gửi lên Cục Di sản của Bộ Văn hóa và Cục Di sản đã chuyển đơn này đến Sở Văn hóa- Thể thao và Du lịch tỉnh Nam Định để giải quyết theo thẩm quyền.

Vụ việc này cho thấy các quy định quản lý về di sản của các cấp chính quyền cần phải luôn tôn trọng các phong tục tập quán, tín ngưỡng của người dân địa phương. Nếu không nhận được sự đồng thuận của nhân dân thì các quy định sẽ không thể thực hiện được.

2. Tài nguyên, sở hữu và đất đai

2.1. Di sản văn hóa

Quyền sở hữu đối với di sản văn hóa được định nghĩa trong Bộ luật Dân sự và Luật Di sản văn hóa. Nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu di sản văn hóa.

2.2. Di sản thiên nhiên

- **Luật Bảo vệ và phát triển rừng:** Luật bảo vệ quyền sở hữu của cá nhân và hộ gia đình, cũng như là quyền khai thác và hưởng lợi của cộng đồng. Các chủ thể này có quyền chuyển nhượng, cho thuê, bán thành quả lao động, kết quả đầu tư cho người khác, được để lại thừa kế hoặc góp vốn bằng quyền sử dụng rừng. Chỉ có cá nhân và hộ gia đình mới được xem là chủ rừng. Cộng đồng dân cư thôn có cùng phong tục, tập quán, có truyền thống gắn bó cộng đồng với rừng về sản xuất, đời sống, văn hoá, tín ngưỡng; có khả năng quản lý rừng; có nhu cầu và đơn xin giao rừng thì sẽ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét và giao rừng. Mặc dù không được coi là chủ rừng nhưng cộng đồng dân cư thôn vẫn có quyền quản lý, khai thác và hưởng lợi từ khu rừng mà họ được giao.

- **Luật Đất đai:** Vấn đề bất cập nhất liên quan đến Luật Đất đai của Việt Nam chính là vấn đề quyền sở hữu. Bởi vì người dân không được quyền sở hữu mảnh đất nơi họ sinh sống, canh tác, họ có thể bị thu hồi đất bằng các quyết định đơn phương của Chính phủ.

Nhìn chung, sở hữu đất đai luôn là vấn đề nóng của Việt Nam. Người dân có quyền sở hữu với khu rừng mà họ trồng, với ngôi nhà mà họ đang sống nhưng lại không có quyền sở hữu với mảnh đất trồng rừng và xây ngôi nhà đó. Điều đó ảnh hưởng trực tiếp tới quyền và lợi ích của người dân.

3. Phát triển và sinh kế

Nhóm quyền này được thể hiện thông qua các quy định liên quan đến quyền lao động, quyền kinh doanh, quyền khai thác tài nguyên và quyền được bồi thường trong các luật có liên quan.

3.1. Di sản văn hóa

Các cơ quan, tổ chức của Nhà nước và các cá nhân có nghĩa bảo vệ và thúc đẩy các giá trị của di sản văn hóa. Tổ chức và cá nhân sở hữu và quản lý di tích, các bộ sưu tập, bảo tàng có quyền kinh doanh.

Di vật, bảo vật, cổ vật quốc gia thuộc sở hữu toàn dân, sở hữu của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội phải được quản lý trong các bảo tàng và không được mua bán, tặng cho; di vật, cổ vật thuộc các hình thức sở hữu khác được mua bán, trao đổi, tặng cho và để thừa kế ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật; bảo vật quốc gia thuộc các hình thức sở hữu khác chỉ được mua bán, trao đổi, tặng cho và để thừa kế ở trong nước theo quy định của pháp luật.

3.2. Di sản thiên nhiên

- **Luật Đa dạng sinh học:** Trong khu bảo tồn, hộ gia đình và cá nhân có quyền khai thác nguồn lợi hợp pháp theo quy định của pháp luật; có quyền tham gia và hưởng lợi từ các hoạt động kinh doanh, dịch vụ trong khu bảo tồn; hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ, bồi thường, tái định cư theo quy định của pháp luật; thực hiện quy chế quản lý khu bảo tồn.

+ **Nghị định 65/2010/ND-CP** quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học cũng có các quy định liên quan đến sinh kế của người dân trong khu bảo tồn, bao gồm: quyền làm việc, quyền tham gia và được hưởng hưởng lợi từ các hoạt động kinh doanh trong khu bảo tồn.

- **Luật bảo vệ và phát triển rừng:** Các hộ gia đình và cá nhân có quyền khai thác rừng, hưởng lợi các giá trị tăng thêm của rừng. Trong trường hợp bị thu hồi một phần hoặc toàn bộ rừng, chủ rừng được quyền bồi thường đối với thành quả lao động, kết quả đầu tư.

Cộng đồng dân cư thôn có quyền khai thác và sử dụng lâm sản và các lợi ích khác từ rừng vào mục đích công cộng và gia dụng cho thành viên trong cộng đồng; được sản xuất lâm nghiệp – nông nghiệp – ngư nghiệp kết hợp theo quy định của pháp luật và theo quy chế quản lý rừng; được hưởng thành quả lao động, kết quả đầu tư trên diện tích rừng được giao; được hướng dẫn về kỹ thuật, hỗ trợ về vốn theo chính sách của Nhà nước để bảo vệ và phát triển

rừng và được hưởng lợi ích do các công trình công cộng, bảo vệ và cải tạo rừng mang lại; được bồi thường thành quả lao động, kết quả đầu tư để bảo vệ và phát triển rừng khi Nhà nước có quyết định thu hồi rừng.

Tuy nhiên, đối với rừng đặc dụng thì các quyền của cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân lại rất hạn chế.

+ **Quyết định 126/QĐ-TTg** về thí điểm chia sẻ lợi ích trong quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững rừng đặc dụng: Cộng đồng, hộ gia đình và cá nhân có quyền khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên, nuôi trồng các loài động vật, thực vật tại danh mục các loài được phép khai thác, sử dụng, nuôi trồng được quy định trong thỏa thuận; tham gia, thực hiện thỏa thuận và đề xuất ý kiến với Hội đồng quản lý; được bồi dưỡng các kiến thức về bảo vệ rừng, bảo tồn thiên nhiên và phát triển bền vững rừng đặc dụng.

- **Luật Đất đai:** Người sử dụng đất có quyền thụ hưởng kết quả lao động và kết quả đầu tư của mình trên đất; được Nhà nước hướng dẫn và giúp đỡ trong việc cải tạo, bồi bổ đất nông nghiệp, được Nhà nước bảo hộ khi người khác xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp về đất đai của mình; được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; được chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp, góp vốn quyền sử dụng đất theo quy định của Luật.

Nhìn chung, các vấn đề về sinh kế đã được quan tâm và ghi nhận trong các văn bản luật có liên quan nhưng lợi ích của người dân sống trong các khu di sản vẫn còn rất hạn chế. Cần thiết phải ban hành những văn bản pháp luật quy định về việc chia sẻ lợi ích trong quản lý các khu di sản.

- **Luật Bảo vệ môi trường:** Các tổ chức và cá nhân có liên quan được bồi thường thiệt hại về môi trường.

4. Quyền của người bản địa/ thiểu số

Người thiểu số là nhóm người dễ bị tổn thương trong xã hội. Các nhóm người thiểu số sinh sống trong các khu di sản lại dễ bị tổn thương nhất khi mà nhiều quyền của họ bị hạn chế trong khi họ lại không được hưởng lợi gì khi môi trường sống quen thuộc của họ trở thành di sản thế giới.

Hiến pháp Việt nam ghi nhận các dân tộc đều bình đẳng; các hành vi phân biệt đối xử, chia rẽ dân tộc đều bị nghiêm cấm. Tất cả các nhóm dân tộc đều có quyền sử dụng ngôn ngữ, chữ viết, được giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc mình, được phát triển và thực hành các tập quán tốt, truyền thống và văn hóa của mình. Nhà nước có nghĩa vụ thực hiện các chính sách phát triển phù hợp và tạo điều kiện cho các dân tộc thiểu số phát huy toàn diện sức mạnh nội

lực của mình và phát triển cùng đất nước. Các quy định kể trên của Hiến pháp sẽ được cụ thể hóa trong các văn bản pháp luật và chính sách về dân tộc thiểu số của Nhà nước. Các quy định này có thể được sử dụng để bảo vệ quyền của người thiểu số sống trong các khu di sản thế giới.

Bình đẳng về quyền và không phân biệt đối xử, quyền được gìn giữ bản sắc của các nhóm dân tộc thiểu số được khẳng định trong nhiều văn bản pháp luật của Việt Nam. Hơn nữa, để đảm bảo sinh kế của các dân tộc thiểu số, Nhà nước Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách ưu đãi đặc biệt đối với một số khu vực. Điều này đã thể hiện trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau.

Nhìn chung, chính sách về dân tộc thiểu số của Nhà nước Việt Nam nhằm mục tiêu giải quyết các vấn đề về sinh kế, văn hóa và đảm bảo các quyền dân sự. Tuy nhiên, đảm bảo quyền của người thiểu số trên thực tế gặp rất nhiều khó khăn. Nhà nước Việt Nam vẫn cần phải tìm kiếm các giải pháp để vừa cân bằng giữa sự phát triển, vừa đảm bảo gìn giữ được bản sắc văn hóa của các dân tộc.

Quyền của người thiểu số được tham gia vào quá trình ra quyết định đối với các vấn đề ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của họ chưa được thể hiện rõ trong các văn bản pháp luật hiện hành. Mặc dù công tác trợ giúp pháp lý và các chương trình giáo dục pháp luật cho người thiểu số vẫn được thực hiện nhưng kết quả của nó vẫn còn hạn chế.

Các định nghĩa

Quyền con người: Không có định nghĩa thế nào là quyền con người trong Hiến pháp Việt Nam. Điều 14 Hiến pháp Việt Nam ghi nhận:

1. Ở nước CHXHCN Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật.
2. Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng

Di sản: Trong Luật Di sản văn hóa của Việt Nam, không có định nghĩa về di sản nói chung nhưng có định nghĩa về di sản văn hóa phi vật thể, di sản văn hóa vật thể, di tích lịch sử- văn hóa và danh lam thắng cảnh.

Liên quan đến di sản văn hóa thế giới, có hai định nghĩa có liên quan:

- Di sản văn hóa vật thể là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, bao gồm di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia
- Di tích lịch sử- văn hóa là công trình xây dựng, địa điểm và các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, địa điểm đó có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học.

Liên quan đến di sản thiên nhiên thế giới, danh lam thắng cảnh là cảnh quan thiên nhiên hoặc địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc có giá trị lịch sử, thẩm mỹ, khoa học.

Dân tộc thiểu số: Nghị định 05/2011/NĐ-CP ngày 14/1/2011 về công tác dân tộc định nghĩa: “*Dân tộc thiểu số*” là những dân tộc có số dân ít hơn so với dân tộc đa số trên phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Các văn bản pháp luật của Việt Nam chỉ sử dụng thuật ngữ “dân tộc thiểu số”, thuật ngữ “người bản địa”, “bộ lạc” không được sử dụng ở Việt Nam. Trên lãnh thổ Việt Nam, có 54 dân tộc, trong đó dân tộc kinh là dân tộc đa số, chiếm 86% dân số Việt Nam. 53 dân tộc còn lại là dân tộc thiểu số

Các khuyến nghị về chính sách

Các phân tích tổng thể về văn bản pháp luật của Việt Nam đã chỉ ra rằng quyền tham gia của người dân là một thách thức trong tất cả các lĩnh vực. Trong lĩnh vực về di sản, hầu như không có quy định nào ghi nhận về quyền tham gia của người dân hay việc chia sẻ lợi ích, thay vào đó là các quy định về nghĩa vụ bảo vệ di sản của người dân. Đặc biệt cộng đồng địa phương không có quyền tham gia vào việc xây dựng, dự thảo và thực hiện các quy định về quản lý di sản. Để thúc đẩy và bảo vệ quyền của người dân sống trong các khu di sản, Chính phủ Việt Nam cần lưu ý đến các điểm như sau:

Đối với các văn bản pháp luật về quyền con người và di sản, cần có sự nhấn mạnh đến quyền tham gia của người dân. Sự tham gia của nhân dân trong quá trình soạn thảo các văn bản pháp luật, trong việc thực hiện và theo dõi thực hiện các hoạt động chính là điểm mấu chốt, cần được bổ sung trong các văn bản và trong thực tiễn hoạt động ở các khu di sản. Nhằm nâng cao vai trò của người dân sống trong các khu di sản, ở cấp độ địa

phương, cần phải xây dựng các quy chế dân chủ cơ sở và đặc biệt hơn, cần xây dựng các cơ chế tham gia của người dân trong quản lý các khu di sản thế giới. Cần phải có một quy định đặc biệt về quyền tham gia của người dân đối với các vấn đề của địa phương nói chung và trong quản lý và bảo vệ di sản thế giới nói riêng. Hơn nữa, cần có một cơ chế mạnh mẽ và hiệu quả trong bảo vệ quyền của người thiểu số. Cơ chế đó không chỉ quan tâm đến sinh kế mà cũng phải quan tâm đến quyền được tham gia cũng như các quyền giáo dục, chăm sóc sức khỏe và quyền phát triển cả ở cấp độ địa phương và toàn quốc. Các văn bản pháp luật về di sản cần phải đưa cả yếu tố nhân quyền vào trong quá trình soạn thảo, sửa đổi và bổ sung các văn bản pháp luật, các nghị định, các quyết định có liên quan. Mỗi văn bản pháp luật cần có các quy định về quyền tham gia, cùng với các quyền khác về kinh tế, xã hội và văn hóa. Bảo đảm và bảo vệ quyền của người dân sống trong các khu di sản là một yêu cầu thiết yếu trong quá trình xây dựng, sửa đổi và thực hiện các chính sách về quản lý di sản.

Các văn bản pháp luật được xây dựng trong tương lai về di sản thế giới cần phải trả lời các câu hỏi sau: Ai là “cộng đồng”? Quá trình lựa chọn người đại diện cho cộng đồng diễn ra như thế nào? Làm thế nào để đảm bảo sự tham gia có hiệu quả của đại diện của cộng đồng trong Ban quản lý di sản? Vai trò của cộng đồng như thế nào? Các câu hỏi này cần được trả lời trong lần sửa đổi Luật Di sản văn hóa sắp tới cũng như trong việc xây dựng Nghị định về quản lý di sản thế giới ở Việt Nam. Các chính sách này cũng cần tính đến quyền tiếp cận thông tin liên quan đến di sản và quyền được chia sẻ lợi ích từ di sản thế giới.

Hơn nữa, cần phải có các quy định đặc biệt về người thiểu số sống trong các khu di sản. Quyền của người thiểu số cần phải được đảm bảo theo cách gìn giữ lối sống truyền thống của họ và đảm bảo được sinh kế. Họ cần được cho phép săn bắt, hái lượm bền vững đối với các loài cho phép trong khu vực truyền thống của họ nhằm đảm bảo lối sống của họ nhưng cũng không gây hại cho đa dạng sinh học. Các dân tộc thiểu số và các cộng đồng khác cần được đảm bảo quyền tham gia trong việc ra các quyết định quản lý và có quyền được chia sẻ lợi ích từ du lịch và bảo tồn. Cần phải có một chính sách rõ ràng đảm bảo sự tham gia của cộng đồng trong quá trình ra quyết định quản lý đối với việc bảo vệ và phát triển bền vững rừng đặc dụng, đặc biệt là trong các khu di sản thiên nhiên thế giới. Chia sẻ lợi ích chính là một quyền, chứ không phải là sự thông cảm hay làm từ thiện.